

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CTUT KHÓA 38, NĂM 2025

Ngày kiểm tra: 07 tháng 9 năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	T38001	Lê Thị Lan	Anh	20/03/2003	Hậu Giang	215	300	515	Không đạt	
2	T38002	Võ Nguyễn Phương	Anh	02/01/2003	TP.Hồ Chí Minh	235	240	475	Đạt	
3	T38003	Hồ Nhật	Bằng	10/12/2002	Cà Mau	130	135	265	Không đạt	
4	T38004	Ngô Thị Huyền	Chân	03/03/2003	Cà Mau	150	110	260	Không đạt	
5	T38005	Đỗ Kim	Chúc	19/07/2003	Cần Thơ	405	430	835	Đạt	
6	T38006	Nguyễn Quốc	Duy	11/06/2003	Bến Tre	-	-	0	Không đạt	Vắng
7	T38007	Trương Quốc	Duy	18/03/2002	Cần Thơ	195	205	400	Không đạt	
8	T38008	Nguyễn Võ Thành	Đạt	29/06/2003	TP.Hồ Chí Minh	-	-	0	Không đạt	Vắng
9	T38009	Lê Hoàng	Huy	02/02/2002	Sóc Trăng	270	290	560	Đạt	
10	T38010	Nguyễn Đan	Huy	21/01/2003	An Giang	-	-	0	Không đạt	Vắng
11	T38011	Đoàn Anh	Kiệt	15/01/2002	An Giang	155	270	425	Không đạt	
12	T38012	Phạm Công	Kỷ	12/01/2002	Cần Thơ	220	210	430	Không đạt	
13	T38013	Lý Thanh	Khoa	17/06/2002	Cần Thơ	245	225	470	Đạt	
14	T38014	Dương Gia	Linh	16/09/2003	Kiên Giang	215	305	520	Không đạt	
15	T38015	Lê Phước	Lộc	08/01/2002	Cần Thơ	220	130	350	Không đạt	
16	T38016	Lý Mẫn	Nghi	05/05/2003	Sóc Trăng	160	285	445	Không đạt	
17	T38017	Trần Trung	Nghĩa	23/09/2003	An Giang	250	335	585	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
18	T38018	Huỳnh Tuyết	Nhung	26/02/2002	Cà Mau	395	355	750	Đạt	
19	T38019	Lê Vĩnh	Phúc	09/12/2003	Đồng Tháp	160	135	295	Không đạt	
20	T38020	Thái Thanh	Quân	12/01/2003	Hậu Giang	205	240	445	Không đạt	
21	T38021	Nguyễn Chí	Quyển	10/05/2003	Cà Mau	215	175	390	Không đạt	
22	T38022	Trịnh Thị Thu	Tâm	29/06/2004	Trà Vinh	365	230	595	Đạt	
23	T38023	Phạm Uy	Tín	01/02/2003	Sóc Trăng	170	215	385	Không đạt	
24	T38024	Nguyễn Nhựt	Vinh	18/07/2001	Cần Thơ	320	315	635	Đạt	
25	T38025	Nguyễn Thị Ngọc	Xoàn	15/09/2003	An Giang	220	320	540	Không đạt	
26	T38026	Lê Hoàng Gia	Bảo	05/01/2004	Cần Thơ	315	325	640	Đạt	
27	T38027	Nguyễn Gia	Bảo	13/10/2004	Cần Thơ	240	375	615	Đạt	
28	T38028	Lê Thảo	Băng	01/04/2004	Hậu Giang	385	400	785	Đạt	
29	T38029	Mã Hữu	Bằng	12/09/2004	Cà Mau	305	335	640	Đạt	
30	T38030	Trần Phi	Bình	26/01/2002	Cần Thơ	170	200	370	Không đạt	
31	T38031	Thái Chí	Cường	14/07/2004	An Giang	215	415	630	Không đạt	
32	T38032	Nguyễn Ngọc	Chí	30/12/2003	Cần Thơ	260	260	520	Đạt	
33	T38033	Võ Thành	Dạng	10/08/2004	Tiền Giang	345	490	835	Đạt	
34	T38034	Huỳnh Hà Hữu	Duy	08/03/2002	Cần Thơ	210	120	330	Không đạt	
35	T38035	Nguyễn Đức	Duy	04/04/2004	Hậu Giang	230	240	470	Đạt	
36	T38036	Phạm Anh	Duy	29/04/2004	Sóc Trăng	300	275	575	Đạt	
37	T38037	Lê Đông	Dương	28/08/2004	Sóc Trăng	275	360	635	Đạt	
38	T38038	Nguyễn Vũ	Đạt	10/12/2003	Sóc Trăng	335	240	575	Đạt	
39	T38039	Phạm Thành	Đạt	03/10/2004	Cần Thơ	375	360	735	Đạt	
40	T38040	Trần Minh	Đăng	30/03/2004	Kiên Giang	370	335	705	Đạt	
41	T38041	Phạm Phong	Điền	03/10/2004	Trà Vinh	430	420	850	Đạt	
42	T38042	Trần Nam	Định	14/10/2004	Kiên Giang	440	460	900	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
43	T38043	Tô Lâm Huỳnh	Giao	09/01/2004	Sóc Trăng	370	235	605	Đạt	
44	T38044	Võ Thị Ngọc	Giàu	11/02/2004	Sóc Trăng	320	195	515	Không đạt	
45	T38045	Lê	Hoàng	26/08/2004	Cần Thơ	345	250	595	Đạt	
46	T38046	Nguyễn Phạm Quốc	Huy	16/08/2004	Cần Thơ	235	115	350	Không đạt	
47	T38047	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	21/06/2003	An Giang	205	330	535	Không đạt	
48	T38048	Trịnh Tấn	Hưng	14/11/2002	Sóc Trăng	405	400	805	Đạt	
49	T38049	Nguyễn Văn Phúc	Khang	22/06/2002	Cần Thơ	145	270	415	Không đạt	
50	T38050	Võ Vĩ	Khang	07/03/2004	Sóc Trăng	275	305	580	Đạt	
51	T38051	Mã Chí	Khanh	15/11/2004	An Giang	325	275	600	Đạt	
52	T38052	Nguyễn Thanh	Khiết	15/08/2003	Cần Thơ	185	125	310	Không đạt	
53	T38053	Lê Hoàng	Khôi	15/07/2001	Hậu Giang	290	290	580	Đạt	
54	T38054	Bùi Trần Vũ	Khương	25/02/2004	Cần Thơ	240	325	565	Đạt	
55	T38055	Phạm Hồng	Khương	05/05/2003	Cần Thơ	165	355	520	Không đạt	
56	T38056	Tân Lưu Gia	Lạc	08/11/2004	Cần Thơ	385	360	745	Đạt	
57	T38057	Nguyễn Tấn	Long	01/01/2001	Cần Thơ	180	310	490	Không đạt	
58	T38058	Nguyễn Thành	Lợi	15/04/2002	Cần Thơ	300	340	640	Đạt	
59	T38059	Hồ Minh	Luân	17/07/2003	An Giang	370	220	590	Không đạt	
60	T38060	Trương Văn	Luân	22/11/2003	Cà Mau	260	180	440	Không đạt	
61	T38061	Nguyễn Bảo	Nhân	10/05/2003	An Giang	270	320	590	Đạt	
62	T38062	Huỳnh Thị Yến	Nhi	05/12/2004	Cần Thơ	250	220	470	Không đạt	
63	T38063	Lê Thúy	Nhi	11/12/2001	Cà Mau	225	165	390	Không đạt	
64	T38064	Nguyễn Thị Huệ	Nhung	01/06/2004	Sóc Trăng	230	150	380	Không đạt	
65	T38065	Hồ Hoàng	Nhật	25/03/2004	Cần Thơ	400	445	845	Đạt	
66	T38066	Lê Minh	Phú	22/05/2003	Đồng Tháp	225	175	400	Không đạt	
67	T38067	Phan Trần Ngân	Phú	11/11/2002	Vĩnh Long	250	315	565	Đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
68	T38068	Trần Tô Hoài	Phúc	29/05/2004	Cần Thơ	300	360	660	Đạt	
69	T38069	Nguyễn Nhật	Quang	05/10/2004	Sóc Trăng	340	215	555	Không đạt	
70	T38070	Nguyễn Minh	Quân	01/10/2004	Cần Thơ	395	455	850	Đạt	
71	T38071	Lợi Đỗ Quang	Sang	25/05/2002	Cần Thơ	435	500	935	Đạt	
72	T38072	Phạm Nguyễn Quốc	Sự	28/05/2002	Vĩnh Long	310	210	520	Không đạt	
73	T38073	Cao Văn	Tiến	23/09/2003	Cần Thơ	290	295	585	Đạt	
74	T38074	Đoàn Tân	Tiến	04/03/2004	Vĩnh Long	285	310	595	Đạt	
75	T38075	Nguyễn Hữu	Tình	29/04/2004	Hậu Giang	385	315	700	Đạt	
76	T38076	Thái Văn	Tôn	01/08/2004	Sóc Trăng	335	355	690	Đạt	
77	T38077	Đào Hồng	Tú	07/10/2003	Sóc Trăng	370	390	760	Đạt	
78	T38078	Trang Thanh	Tú	29/12/2002	Cần Thơ	355	250	605	Đạt	
79	T38079	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	23/03/2003	Vĩnh Long	275	285	560	Đạt	
80	T38080	Trần Quang	Thái	13/03/2004	Cà Mau	325	380	705	Đạt	
81	T38081	Dương Tuấn	Thành	08/09/2002	Cần Thơ	290	375	665	Đạt	
82	T38082	Huỳnh Văn	Thinh	15/09/2003	Bạc Liêu	315	400	715	Đạt	
83	T38083	Nguyễn Đào Quốc	Thịnh	23/08/2003	Cần Thơ	250	280	530	Đạt	
84	T38084	Nguyễn Thị Bích	Thủy	05/03/2004	Cần Thơ	405	445	850	Đạt	
85	T38085	Trịnh Thị Anh	Thư	03/09/2004	Cần Thơ	430	400	830	Đạt	
86	T38086	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	16/11/2003	Cần Thơ	390	355	745	Đạt	
87	T38087	Kiên An	Trích	10/01/2001	Trà Vinh	235	150	385	Không đạt	
88	T38088	Từ Thị Thanh	Trúc	21/01/2004	Bạc Liêu	245	365	610	Đạt	
89	T38089	Nguyễn Quốc	Việt	07/05/2004	Kiên Giang	250	370	620	Đạt	
90	T38090	Lê Trần Phương	Vinh	08/10/2004	Sóc Trăng	375	410	785	Đạt	
91	T38091	Nguyễn Phan Thảo	Vy	11/12/2004	An Giang	355	360	715	Đạt	
92	T38092	Phạm Kiều Hạ	Vy	11/08/2003	Hậu Giang	295	130	425	Không đạt	

Stt	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
93	T38093	Lê Triệu	Vỹ	02/05/2004	Cà Mau	135	240	375	Không đạt	
94	T38094	Nguyễn Triều	Vỹ	07/08/2004	Vĩnh Long	240	330	570	Đạt	
95	T38095	Võ Phú	Yên	18/08/2003	Sóc Trăng	385	385	770	Đạt	
96	T38096	Lê Thị Hoàng	Yến	26/02/2003	Cần Thơ	405	485	890	Đạt	
97	T38097	Nguyễn Trọng	Nhân	09/07/2003	An Giang	250	225	475	Đạt	
98	T38098	Trương Gia	Thịnh	29/07/2003	Cần Thơ	405	325	730	Đạt	

Danh sách *98 thí sinh*
Đạt *60 thí sinh*
Không đạt *38 thí sinh*

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã